

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 30
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	07 - 08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Vũ Trọng Long	Ủy viên	
Bà: Phạm Hồng Dung	Ủy viên	(Bổ nhiệm, ngày 24 tháng 06 năm 2017)
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	(Miễn nhiệm, ngày 24 tháng 06 năm 2017)
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/04/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		806.665.926.297	662.288.128.592
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	251.786.147.630	305.525.150.603
111	1. Tiền		101.096.147.630	57.247.470.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		150.690.000.000	248.277.680.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	151.000.000.000	39.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		151.000.000.000	39.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		66.228.790.848	79.998.502.068
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	33.775.039.084	75.190.498.472
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13.009.713.909	3.754.494.228
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	19.444.037.855	1.053.509.368
140	IV. Hàng tồn kho	08	332.922.105.738	237.559.712.584
141	1. Hàng tồn kho		332.922.105.738	237.559.712.584
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.728.882.081	4.763.337
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		4.313.803.709	1.763.337
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	415.078.372	3.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.311.821.767.968	3.306.739.993.094
220	II. Tài sản cố định		76.621.242.261	77.331.566.857
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	23.361.442.872	24.022.058.386
222	- Nguyên giá		51.857.156.877	51.857.156.877
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.495.714.005)	(27.835.098.491)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53.259.799.389	53.309.508.471
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.069.586.501)	(3.019.877.419)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	256.418.004.581	257.116.614.196
231	- Nguyên giá		271.141.197.992	271.141.197.992
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.723.193.411)	(14.024.583.796)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.951.371.356	658.147.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	5.951.371.356	658.147.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.971.460.551.970	2.971.460.551.970
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.009.409.650.000	1.009.409.650.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.962.050.901.970	1.962.050.901.970
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.370.597.800	173.112.800
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.370.597.800	173.112.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.118.487.694.265	3.969.028.121.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/04/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		66.397.212.641	32.948.389.598
310	I. Nợ ngắn hạn		65.634.435.395	32.185.612.352
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.556.431.567	1.309.807.532
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	20.500.677.051	12.242.777.052
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	28.287.533.012	11.808.560.678
314	4. Phải trả người lao động		28.232.533	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.743.188.343	4.586.993.544
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.780.776.826	2.099.877.483
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.600.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		762.777.246	762.777.246
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	762.777.246	762.777.246
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.052.090.481.624	3.936.079.732.088
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	4.052.090.481.624	3.936.079.732.088
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		422.150.341.624	306.139.592.088
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		306.139.592.088	-
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		116.010.749.536	306.139.592.088
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.118.487.694.265	3.969.028.121.686

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	555.030.004.978	87.332.354.470
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		555.030.004.978	87.332.354.470
11	4. Giá vốn hàng bán	22	409.827.481.418	83.398.195.279
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		145.202.523.560	3.934.159.191
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.723.802.557	324.071.010.368
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	465.847.000	224.592.291
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.710.492.629	2.816.964.926
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		143.749.986.488	324.963.612.342
31	11. Thu nhập khác	26	1.263.450.448	1.000.000
32	12. Chi phí khác		16	63.000
40	13. Lợi nhuận khác		1.263.450.432	937.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		145.013.436.920	324.964.549.342
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	29.002.687.384	994.829.868
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		116.010.749.536	323.969.719.474

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2017



Ông Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		145.013.436.920	324.964.549.342
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.304.955.626)	(323.161.719.215)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.408.934.211	909.291.153
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.713.889.837)	(324.071.010.368)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		143.708.481.294	1.802.830.127
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.303.838.931	(197.740.047.352)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(95.362.393.154)	(32.603.921.780)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.898.751.288	(98.538.607.374)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.197.485.000)	66.666.664
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.052.615.629)	(752.967.416)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.298.577.730	(327.766.047.131)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.293.224.085)	(4.013.831.352)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(151.000.000.000)	(100.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		39.200.000.000	100.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.088.812.001.187)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.455.643.382	324.071.010.368
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(115.637.580.703)	(1.768.754.822.171)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của sở hữu		-	2.099.945.720.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	2.099.945.720.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(63.339.002.973)	3.424.850.698
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		305.525.150.603	154.445.677.790
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>242.186.147.630</u>	<u>157.870.528.488</u>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	104.356.116	693.844.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100.991.791.514	56.553.626.410
Các khoản tương đương tiền	150.690.000.000	248.277.680.000
	251.786.147.630	305.525.150.603

Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 5,4%/ năm đến 5,5%/ năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000

Tại ngày 30/06/2017, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 18 tháng có giá trị 151.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	1.009.409.650.000	-	1.009.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000	-	1.009.409.650.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.962.050.901.970	-	1.962.050.901.970	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266.000.000.000	-	266.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	-	134.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000	-	312.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vĩnh Quang	252.000.000.000	-	252.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	223.200.000.000	-	223.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	774.450.901.970	-	774.450.901.970	-
	2.971.460.551.970	-	2.971.460.551.970	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản,
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Km 9 QL5 Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản,
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, kinh doanh bất động sản,
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Số 212 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ...
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Số 324 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, kinh doanh bất động sản,
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Số 116, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	6.624.215.000	20.718.015.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	2.929.000.000	3.761.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	9.029.000.000	9.804.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	14.097.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	-	8.193.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	1.518.000.000	5.554.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	1.507.000.000	4.891.000.000
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	6.045.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.122.824.084	8.171.983.472
	33.775.039.084	75.190.498.472
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	25.197.395.055	69.290.605.055
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)</i>		

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam CD	741.168.800	-	500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây Dựng và Thương mại Tường Lâm	585.000.000	-	585.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại An Lâm	-	-	412.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	1.683.545.109	-	2.257.494.228	-
	13.009.713.909	-	3.754.494.228	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về dự lãi tiền gửi	2.291.334.511	-	1.033.088.056	-
- Phải thu Trung tâm phát triển Quỹ đất quận Ngô Quyền về tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Chung cư Lê Lợi	17.132.703.344	-	-	-
- Phải thu khác	20.000.000	-	20.421.312	-
	19.444.037.855	-	1.053.509.368	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	86.978.531.071	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.500.304.577	-	114.618.525	-
- Công cụ, dụng cụ	35.865.904	-	35.865.904	-
- Thành phẩm	263.790.784.390	-	31.835.592.595	-
- Hàng hóa	61.194.301.970	-	12.830.168.096	-
- Hàng gửi bán	6.400.848.897	-	105.764.936.393	-
	332.922.105.738	-	237.559.712.584	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	5.951.371.356	658.147.271
<i>Công trình xây dựng và cải tạo Chung cư Đồng Quốc Bình, Hải Phòng</i>	<i>1.334.384.091</i>	<i>-</i>
<i>Công trình xây dựng Chung cư tại Lê Lợi - Hải Phòng</i>	<i>4.616.987.265</i>	<i>658.147.271</i>
	5.951.371.356	658.147.271

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	771.340.316	75.909.500	51.857.156.877
Số dư cuối kỳ	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	771.340.316	75.909.500	51.857.156.877
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	19.271.671.455	2.157.212.143	6.009.040.341	352.894.010	44.280.542	27.835.098.491
- Khấu hao trong kỳ	390.137.578	9.492.495	211.660.827	39.835.926	9.488.688	660.615.514
Số dư cuối kỳ	19.661.809.033	2.166.704.638	6.220.701.168	392.729.936	53.769.230	28.495.714.005
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	20.864.893.783	52.901.953	2.654.187.386	418.446.306	31.628.958	24.022.058.386
Tại ngày cuối kỳ	20.474.756.205	43.409.458	2.442.526.559	378.610.380	22.140.270	23.361.442.872

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.806.136.069 đồng

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.907.981.229	111.896.190	3.019.877.419
- Khấu hao trong kỳ	49.709.082	-	49.709.082
Số dư cuối kỳ	2.957.690.311	111.896.190	3.069.586.501
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	53.309.508.471	-	53.309.508.471
Tại ngày cuối kỳ	53.259.799.389	-	53.259.799.389

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 VNĐ

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại 01/04/2017	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Số dư tại 30/06/2017	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/04/2017	-	14.024.583.796	14.024.583.796
- Khấu hao trong kỳ	-	698.609.615	698.609.615
Số dư tại 30/06/2017	-	14.723.193.411	14.723.193.411
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2017	195.000.000.000	62.116.614.196	257.116.614.196
Tại ngày 30/06/2017	195.000.000.000	61.418.004.581	256.418.004.581

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	348.537.620	348.537.620	348.537.620	348.537.620
- Công ty TNHH MTV Ô tô Trung Việt	-	-	287.169.094	287.169.094
- Công ty TNHH Thương mại và Chi nhánh Tàu thủy Anh Đức	124.692.400	124.692.400	240.223.500	240.223.500
- Công ty Cổ phần CK Chính xác số 1	572.000.000	572.000.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	511.201.547	511.201.547	433.877.318	433.877.318
	1.556.431.567	1.556.431.567	1.309.807.532	1.309.807.532

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Ô tô Quốc Tuấn	2.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	2.766.000.000	-
- Navistar, Inc	10.442.312.225	7.658.912.225
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	-	1.400.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	4.542.364.826	3.183.864.827
	20.500.677.051	12.242.777.052

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.476.641.729	-	1.476.641.729	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	28.859.706.647	28.859.706.647	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.317.304.272	29.002.687.384	11.052.615.629	-	28.267.376.027
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.614.677	20.156.985	14.614.677	-	20.156.985
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	415.078.372	415.078.372	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	3.000.000	11.808.560.678	57.885.551.016	41.818.657.054	415.078.372	28.287.533.012

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183 Bà Triệu, Hà Nội	3.743.188.343	4.586.993.544
	3.743.188.343	4.586.993.544

17. PHẢI TRẢ KHÁC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Các khoản phải trả phải nộp khác	9.600.000.000	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>9.600.000.000</i>	<i>-</i>
	9.600.000.000	-
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	762.777.246	762.777.246
	762.777.246	762.777.246

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	1.780.776.826	2.099.877.483
	1.780.776.826	2.099.877.483

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại 01/04/2016	1.200.000.000.000	79.068.252.358	1.279.068.252.358
Tăng vốn trong kỳ trước	2.099.945.720.000	-	2.099.945.720.000
Lãi trong kỳ trước	-	323.969.719.474	323.969.719.474
Số dư tại 30/06/2016	3.299.945.720.000	403.037.971.832	3.702.983.691.832
Số dư tại 01/04/2017	3.629.940.140.000	306.139.592.088	3.936.079.732.088
Lãi trong kỳ này	-	116.010.749.536	116.010.749.536
Số dư tại 30/06/2017	3.629.940.140.000	422.150.341.624	4.052.090.481.624

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.937.603.890.000	53,38%	1.937.603.890.000	53,38%
	3.629.940.140.000	100%	3.629.940.140.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.629.940.140.000	1.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.099.945.720.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	3.629.940.140.000	3.299.945.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/04/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2017	01/04/2017
- Đô la Mỹ	USD	1.577,81	1.618,68
- Euro	EUR	8,95	8,95

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.335.854.546	5.181.859.250
Doanh thu bán thành phẩm xướng ô tô	9.304.818.180	9.390.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	539.677.274.290	69.369.090.921
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.712.057.962	3.391.404.299
	555.030.004.978	87.332.354.470
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	508.742.809.197	19.583.136.363

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	3.230.775.681	4.646.411.796
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	6.645.403.550	7.695.789.807
Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện	398.163.877.786	69.923.292.493
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.787.424.401	1.132.701.183
	409.827.481.418	83.398.195.279

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.713.889.837	4.080.610.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	319.990.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.912.720	-
	2.723.802.557	324.071.010.368

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	268.659.780	209.673.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.187.220	14.919.154
	465.847.000	224.592.291

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	452.861.178	440.795.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	763.553.277	774.399.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.356.241.462	1.301.844.229
Chi phí khác bằng tiền	137.836.712	299.926.000
	3.710.492.629	2.816.964.926

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.786.147.630	-	-	251.786.147.630
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.219.076.939	-	-	53.219.076.939
Các khoản tiền gửi tiết kiệm	151.000.000.000	-	-	151.000.000.000
	456.005.224.569	-	-	456.005.224.569
Tại ngày 01/04/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305.525.150.603	-	-	305.525.150.603
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.244.007.840	-	-	76.244.007.840
Các khoản tiền gửi tiết kiệm	39.200.000.000	-	-	39.200.000.000
	420.969.158.443	-	-	420.969.158.443

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	11.156.431.567	762.777.246	-	11.919.208.813
Chi phí phải trả	3.743.188.343	-	-	3.743.188.343
	14.899.619.910	762.777.246	-	15.662.397.156
Tại ngày 01/04/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.309.807.532	762.777.246	-	2.072.584.778
	1.309.807.532	762.777.246	-	2.072.584.778

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động kinh doanh xe ô tô Đầu kéo nhãn hiệu International (Hoa Kỳ) chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		508.742.809.197	19.583.136.363
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	95.156.363.661	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	62.014.545.464	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	15.967.081.823	4.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	16.270.909.093	
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	30.254.545.465	
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	198.524.545.502	11.041.818.181
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	9.354.818.180	8.476.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	33.012.727.283	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	48.187.272.726	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	319.990.400.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.			
	Mối quan hệ	30/06/2017	01/04/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		25.197.395.055	69.290.605.055
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	6.624.215.000	20.718.015.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	9.029.000.000	9.804.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	2.278.580.056	1.433.790.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	1.518.000.000	5.554.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	-	8.193.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	2.929.000.000	3.761.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	392.099.999	2.101.799.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	2.426.500.000	3.627.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên	-	14.097.000.000

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/04/2016
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	1.169.499.999	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên	2.766.000.000	-

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Lập ngày 25 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ